

Bản án số: 436/2024/DS-PT;
Ngày: 21/8/2024;
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận;
Bà Nguyễn Thị Rên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2485/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị J, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn Đ: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn – bà Nguyễn Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị J trình bày:

Bà J có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Huyền T làm chủ hội, cụ thể tham gia chơi 06 dây hội gồm: dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 5 năm 2022Al đóng hội sống số tiền là 28.140.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 4 năm 2022Al đóng hội sống số tiền là 28.940.000 đồng; dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 37.390.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 7 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 8.380.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 3 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 13.360.000 đồng; dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022Al gồm 26 phần, bà tham gia chơi 01 phần, đóng hội sống được 25 lần số tiền là 73.390.000 đồng, đến khi mãn hội bà được hốt chót số tiền là 125.000.000 đồng (cán trừ tiền thảo là 2.500.000 đồng thì bà được hốt hội số tiền là 122.500.000 đồng) nhưng bà T không giao tiền hội. Nay bà yêu cầu bà T và ông Phan Văn Đ (chồng bà T) phải liên đới hoàn trả số tiền hội là 238.710.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày:

Bà Phạm Thị J có tham gia chơi 06 dây hội do bà làm chủ hội như lời trình bày của bà J. Cụ thể số tiền hội bà J đã đóng gồm: dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 5 năm 2022Al đóng hội sống số tiền là 28.140.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 4 năm 2022Al đóng hội sống số tiền là 28.940.000 đồng; dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 37.390.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 7 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 8.380.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 3 năm 2023Al đóng hội sống số tiền là 13.360.000 đồng; dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022Al gồm 26 phần, bà J tham gia chơi 01 phần, đóng hội sống được 25 lần số tiền 73.390.000 đồng, đến lần thứ 26 thì bà J sẽ hốt hội chót. Nay bà T và ông Phan Văn Đ đồng ý liên đới hoàn trả cho bà J số tiền hội sống thực tế đã đóng là 189.600.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị J về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hui là 12.030.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị J. Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị J số tiền hui là 238.710.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xử vắng mặt, trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị J rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện bà J yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ liên đới hoàn trả số tiền hui là 250.740.000 đồng, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà J chỉ yêu cầu trả số tiền hui là 238.710.000 đồng, việc rút

một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 12.030.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Bà J yêu cầu bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hui là 238.710.000 đồng. Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà T đồng ý cùng ông Đ liên đới hoàn trả cho bà J số tiền hui đã đóng thực tế là 189.600.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, các đương sự đều thống nhất đối với các dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 5 năm 2022A1, dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 4 năm 2022A1, dây hui mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023A1, dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 01 tháng 7 năm 2023A1, dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 3 năm 2023A1 và thống nhất bà T còn nợ bà J là 116.210.000 đồng, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.3] Đối với dây hui mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022A1 các đương sự không thống nhất với nhau về số tiền hui, bà J yêu cầu bà T và ông Đ phải liên đới hoàn trả số tiền là 122.500.000 đồng (số tiền hui chót được nhận) còn bà T chỉ đồng ý hoàn trả số tiền hui thực đóng là 73.390.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu xin trả dần của bà T và ông Đ không được sự chấp thuận của bà J, bà T là chủ hui nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên khi thiết lập giao dịch về hui và theo quy định của pháp luật, khi kết thúc việc chơi hui không giao tiền hui cho bà J đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà J, mặt khác theo tập quán về việc hơi hui thì đối với dây hui mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022A1 bà J được hốt hui chót nên số tiền hui bà T phải giao cho J sau khi trừ tiền thảo là 122.500.000 đồng mới hợp lý, bảo đảm quyền lợi của hui viên.

[2.4] Đối với ông Phan Văn Đ là chồng của bà T và có ý kiến đồng ý cùng bà T liên đới trả nợ. Do đó căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 18, 23, 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ buộc bà T và ông Đ phải liên đới hoàn trả cho bà J số tiền hui là 238.710.000 đồng là phù hợp.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường. Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị J về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 12.030.000 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị J.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị J số tiền hụi là 238.710.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 11.935.500 đồng (Mười một triệu

chín trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.269.000 đồng (Sáu triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0000772, ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000930 ngày 12/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng